

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 259 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Công Thương Bắc Kạn (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “Thủ tục hành chính”, địa chỉ: dichvucong.backan.gov.vn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (t/h);
- Cục KSTTHC - VPCP (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Vấn).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC KẠN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích
1	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn - Tổ 7 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.backan.gov.vn .	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	Sở Công Thương	Mức độ 4	X

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000674.000.00.00.H03	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
2	2.000666.000.00.00.H03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)			
3	2.000664.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)			
4	2.000673.000.00.00.H03	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			
5	2.000669.000.00.00.H03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			
6	2.000672.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			
7	2.000648.000.00.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			
8	2.000645.000.00.00.H03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			
9	2.000647.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			